

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa anh N và chị L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thích;

2. Bà Trần Thị Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1965, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976, vắng mặt;

Địa chỉ:

- SQ: Xóm N, xã M, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

- HKTT: Thôn Q, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 30/12/2003, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2014 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp và đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2016, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị L.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/7/2008. Hiện các cháu khỏe mạnh đang ở với anh.

Để đảm bảo sự ổn định về sự phát triển cũng như học tập của các con chung (các con chung đang ở với anh và hoàn toàn do một mình anh nuôi dưỡng từ năm 2014 khi vợ chồng ly thân đến nay và các cháu đều khỏe mạnh và phát triển tốt. Còn việc cả 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với chị L, là do các cháu vẫn còn ít tuổi nên chưa nhận thức được đầy đủ và chỉ là do cảm tính) nên ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị L được có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi dưỡng con chung. Hiện anh đang làm nghề tự do thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng (anh chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Ngoài ra, anh không còn Y kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có khả năng đoàn tụ nên chị không nhất trí ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng, chị xác định chỉ có lời trình bày, chứ không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung:* Chị thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung

và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Hiện các cháu khỏe mạnh đang ở với anh N.

Tuy nhiên, chị không nhất trí giao cả 02 con chung cho anh N nuôi dưỡng mà chị cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung khi ly hôn.

Chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi dưỡng con chung. Hiện chị đang làm Công ty về điện tử thu nhập bình quân khoảng trên 3.000.000 đồng/tháng (chị chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Chị xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tạo lập được, gồm:

- 01 ngôi nhà xây gạch lợp tôn lạnh xây dựng năm 2016, trị giá khoảng 100.000.000 đồng;

- 01 khu công trình phụ xây dựng năm 2009, trị giá khoảng 60.000.000 đồng;

- Xây kè bờ hồ xây dựng năm 2009, trị giá khoảng 60.000.000 đồng;

- Xây công, sân thêm xây dựng năm 2012, trị giá khoảng 20.000.000 đồng;

Tổng cộng trị giá khoảng 240.000.000 đồng (chị chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Ngày 30/9/2019, chị có nộp cho Tòa án đơn đề nghị về chia tài sản khi ly hôn với nội dung trên.

Cùng ngày, Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đã giao cho chị Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản này. Chị xác định đã được nghe Tòa án giải thích rõ quy định của pháp luật về nghĩa vụ đóng tiền tạm ứng án phí về tài sản khi chị có yêu cầu giải quyết trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu chị không thực hiện thì chị phải chịu trách nhiệm về hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị không còn Y kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu Y kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□kY phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

+ *Về hôn nhân*: Cho anh N được ly hôn chị L.

+ *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu T cho anh N nuôi dưỡng; cháu Y cho chị L nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+ *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí*: Buộc anh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa mở lại hôm nay, bị đơn là chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.]

[2. *Về hôn nhân*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn chị L tuy không nhất trí ly hôn nhưng chị không đưa ra được phương án hòa giải cụ thể nào để thuyết phục anh N về đoàn tụ, hơn nữa tại phiên tòa mở lại hôm nay, chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị L thực sự không có thiện chí đoàn tụ, nên đề nghị của chị không có cơ sở.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh N được ly hôn chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[2. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Tuy, các con chung có nguyện vọng xin được ở với chị L, nhưng hiện các con chung đang ở với anh N và hoàn toàn do một mình anh N nuôi

dưỡng từ năm 2014 khi vợ chồng ly thân đến nay và các cháu đều khỏe mạnh và phát triển tốt; ngoài ra, do các cháu vẫn còn ít tuổi nên chưa nhận thức được đầy đủ và chỉ là do cảm tính nên để đảm bảo sự ổn định về sự phát triển cũng như học tập của các con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và điều kiện nuôi con của hai bên, do đó cần giao con chung là cháu T cho anh N nuôi dưỡng; cháu Y cho chị L nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.]

[3. Về chia tài sản:

Về yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn đề nghị về chia tài sản khi ly hôn đề ngày 30/9/2019 trên thì thấy: Cùng ngày, Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đã giao cho chị Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản này. Tuy nhiên, hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, chị vẫn không thực hiện đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không đề cập xem xét.

Ngoài ra, do các bên không yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết.]

[4. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

[5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/7/2008 cho anh N nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 28/7/2006 cho chị L nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

**. Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001639 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tuyền
(đã ký)**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thích Trần Thị Lịch

Nguyễn Văn Tuyển

